

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2025

Về "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2025 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự: Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐXX-HNGĐ ngày 10/4/2025;

Nguyên đơn: Bà **PHẠM T TUYẾT MAI**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: A Đ, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **NGUYỄN VĂN M**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: A đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M1 trình bày:

Bà Phạm Thị Tuyết M1 và ông Nguyễn Văn M sau thời gian tìm hiểu, có tình cảm nên cả hai quyết định tiến tới hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 11-7-2012 tại UBND phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do cuộc sống vợ chồng hoàn

toàn không có sự đồng thuận chia sẻ nên cả hai chọn sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn nên bà M1 yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Bà M1 xác nhận bà và ông M có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh ngày 27/7/2012, hiện tại cháu đang sống với mẹ. Cháu M2 có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn sẽ được ở với mẹ. Bà M1 thống nhất với ý kiến của con về việc bà M1 là người trực tiếp nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn. Bà M1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do riêng, bà M1 làm đơn xin được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M đã được tòa án triệu tập, tổng đạt, niêm yết hợp lệ những văn bản tố tụng để ông M tham gia nhưng ông M vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc nên không lấy được ý kiến của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử, thư kí đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định, bà M1 và ông M chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố V theo giấy chứng nhận kết hôn số 137 quyển số 01/2012 ngày 11-7-2012. Bà M1 yêu cầu ly hôn, ông M không tham gia tố tụng, từ bỏ quyền tham gia tố tụng, phản nào chứng tỏ ông M không có nguyện vọng, mong muốn hàn gắn.

Xét hôn nhân giữa bà M1 và ông M không còn tồn tại về mặt thực tế đã 02 năm, mối quan hệ vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn đối với ông M của bà M1.

Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh ngày 27/7/2012. Hiện tại cháu M2 đang sống cùng với mẹ. Cháu M2 có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn sẽ được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu M2 thống nhất với ý kiến của bà M1. Nên đề nghị giao cháu M2 cho bà M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề xuất giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M1 và ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Phạm Thị Tuyết M1 yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M có địa chỉ cư trú tại thành phố V. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để bị đơn tham gia tố tụng nhưng bị đơn không hợp tác, không tham gia, nên tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại ủy ban phường nơi bị đơn cư trú, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Phạm Thị Tuyết M1 và ông Nguyễn Văn M kết hôn tại UBND phường A, thành phố V theo giấy chứng nhận kết hôn số 137 quyền số 01/2012 ngày 11-7-2012 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà M1 và ông M: Theo bà M1 thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề của cuộc sống hàng ngày. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chiều hướng ngày càng trầm trọng. Dần xa cách, không quan tâm chia sẻ cùng nhau. Dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Bà M1 và ông M đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông M đến làm việc, trình bày ý kiến và tạo điều kiện để cho hai bên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt và không đưa ra ý kiến. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Ngoài ra, việc ông không tham gia còn cho thấy ông M không có nguyện vọng hòa giải, hàn gắn.

Nhận thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà M1 và ông M là có thật. Bà M1 và ông M đã sống ly thân cho đến nay là gần 02 năm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà M1 xác nhận bà M1 và ông M có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh ngày 27/7/2012. Hiện tại cháu M2 đang sống cùng với mẹ. Cháu M2 có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn sẽ được ở với mẹ, nguyện vọng của cháu M2 thống nhất với ý kiến của bà M1. Nên giao cháu M2 cho bà M1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà M1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết M1 đối với ông Nguyễn Văn M.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết M1 ly hôn với ông Nguyễn Văn M.
2. Về con chung: Nguyễn Thị Ngọc M2, sinh ngày 27/7/2012, Giao con chung cho bà Phạm Thị Tuyết M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tuyết M1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà M1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005000 ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Như vậy, bà M1 đã thi hành xong án phí.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định Pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP.Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND phường 12
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

